TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 35/2021/HSST
Ngày: 30/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2021/TLST-HS, ngày 25/5/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-QĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn H (Chết); Con bà: Nguyễn Thị A; Chồng: Nguyễn Hoàng M và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 28/01/2021 thì được tại ngoại, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư - Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Oanh T, sinh năm 1968, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

2. Anh Đặng Bá V, sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố 3, Thị Trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992, trú tại Thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974, trú tại thôn 5, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến ngày 31/08/2020, Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi cho các cá nhân vay tiền mặt với lãi suất cao để thu lợi bất chính, bằng hình thức tín chấp không cầm cố tài sản gì. Khi người vay đồng ý vay, H yêu cầu người vay tiền viết nội dung và số tiền vay vào trong cuốn sổ của H và ký tên xác nhận vay. Lãi suất H cho các cá nhân vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 108%/năm và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng mức lãi suất từ 180%/năm. Với mức lãi suất này, gấp 5,4 lần và 9 lần mức lãi suất cho phép quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

Để trốn tránh việc các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì trong sổ sách ghi chép việc cho các cá nhân vay tiền không ghi rõ lãi suất vay mà H và người vay chỉ thống nhất miệng với nhau mức lãi suất, sổ sách ghi chép việc cho các cá nhân vay chỉ lập 01 bản và do Nguyễn Thị H giữ.

Trong thời gian từ tháng 01/2019 đến ngày 31/08/2020, Nguyễn Thị H đã cho 4 cá nhân vay thông qua 10 lần giao dịch và thu lãi cụ thể như sau:

1. Ngày 26/03/2019, cho chị Hoàng Thị Oanh T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. H đã thu tiền lãi của chị T 1 tháng đầu (30 ngày) với số tiền là: 3.000.000 đồng.

Từ tháng thứ hai trở đi, H tính tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng cho chị T là 3000đồng/1.000.000đồng/1 ngày. H đã thu tiền lãi suất của chị T 5 tháng (150 ngày) với số tiền là: 9.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi H đã thu của chị T là 6 tháng (180 ngày) với số tiền là: 12.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 2.000.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 10.000.000 đồng.

Hiện tại chị Hoàng Thị Oanh T đang nợ Nguyễn Thị H số tiền gốc 20.000.000 đồng.

2. Ngày 05/07/2019, cho anh Đặng Bá V vay số tiền là: 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. H đã thu tiền lãi suất của anh V 6 tháng (180 ngày) với số tiền là 16.200.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của anh V là: 3.000.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của anh V số tiền là:13.200.000 đồng.

Hiện tại anh Đặng Bá V đang nợ Nguyễn Thị H số tiền gốc 30.000.000 đồng.

3. Từ ngày 22/03/2020 đến ngày 08/05/2020, cho chị Phạm Thị T vay 6 lần, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/1 ngày, cụ thể các lần cho vay và thu lãi suất như sau:

- Ngày 22/03/2020, cho vay số tiền: 15.000.000 đồng, số tiền lãi H đã thu của chị T 02 tháng (60 ngày) là 2.700.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 500.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 2.200.000 đồng.

- Ngày 01/04/2020, cho vay số tiền là: 5.000.000 đồng, số tiền lãi H đã thu của chị T 01 tháng (30 ngày) là 450.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 83.334 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 336.666 đồng.

- Ngày 04/04/2020, cho vay số tiền là 25.000.000 đồng, số tiền lãi H đã thu của chị T 02 tháng (60 ngày) là: 4.500.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 833.334 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 3.666.666 đồng.

- Ngày 28/04/2020, cho vay số tiền là 20.000.000 đồng, số tiền lãi H đã thu của chị T 02 tháng (60 ngày) là: 3.600.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 666.667 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 2.933.333 đồng.

- Ngày 08/05/2020, cho vay số tiền là 5.000.000 đồng, H đã thu tiền lãi của chị T 2 tháng (60 ngày) là 900.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 166.667 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 733.333 đồng.

- Ngày 25/04/2020, cho vay số tiền là 15.000.000 đồng, H đã thu tiền lãi của chị T 03 tháng (90 ngày) là 4.050.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của chị T là: 750.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của chị T số tiền là: 3.300.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc H đã cho chị T vay trong 6 lần là 85.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi suất H đã thu của chị T là: 16.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp H được phép thu của chị T theo quy định của pháp luật là: 3.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính của chị T là: 13.200.000 đồng.

Hiện tại, chị T đang nợ Nguyễn Thị H số tiền gốc là 85.000.000 đồng.

4. Cho anh Nguyễn Văn H vay 2 lần, với mức lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/1 ngày, cụ thể là:

- Ngày 17/08/2020, cho vay số tiền 26.000.000 đồng, số tiền lãi suất H đã thu của anh H trong 3,5 tháng (105 ngày) với số tiền là: 8.190.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của anh H là: 1.516.667 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của anh H số tiền là: 6.673.333 đồng.

Hiện tại anh H đã thanh toán hết số tiền gốc 26.000.000 đồng cho H.

- Ngày 31/08/2020, cho vay số tiền là 21.000.000 đồng, số tiền lãi H đã thu của anh H trong 3 tháng (90 ngày) là 5.670.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, số tiền lãi hợp pháp H được thu của anh H là: 1.050.000 đồng. Như vậy, H đã thu lợi bất chính của anh H số tiền là: 4.620.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc H đã cho anh H vay trong 2 lần là 47.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi suất H đã thu của anh H là: 13.860.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp H được phép thu của anh H theo quy định của pháp luật là: 2.566.667 đồng. Tổng số tiền H đã thu lợi bất chính của anh H là: 11.293.333 đồng.

Hiện tại, anh H đang nợ Nguyễn Thị H số tiền gốc là 21.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã thông qua 10 giao dịch dân sự cho 4 người vay với tổng số tiền gốc 182.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 108%/năm và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 180%/năm, gấp 5,4 lần và 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính tổng số tiền là: 47.663.331 đồng. Bị cáo đã thu tiền gốc là 26.000.000 đồng, những người vay còn nợ bị cáo tổng số tiền gốc là 156.000.000 đồng.

- Tài liệu, đồ vật bị thu giữ, tạm giữ gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong lắp số sim 0974547209.

+ 01 (một) quyển sổ bìa màu tím than, kích thước (10x20)cm, bên trong có ghi nội dung những người vay tiền của Nguyễn Thị H.

+ 152.000.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-AS ngày 21/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 điều 201 của Bộ luật hình sự.

Luận tội tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 điều 201 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 - 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc: Bị cáo Nguyễn Thị H nộp tổng số tiền là: 36.566.667 đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Buộc: Chị Hoàng Thị Oanh T phải nộp số tiền: 20.000.000 đồng; Anh Đặng Bá V phải nộp số tiền: 30.000.000 đồng; Chị Phạm Thị T phải nộp số tiền: 85.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H phải nộp số tiền: 21.000.000 đồng. Để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển sổ bìa màu tím than, kích thước (10x20) cm, bên trong có ghi nội dung những người vay tiền của Nguyễn Thị H.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp số sim 0974547209 thu giữ của Nguyễn Thị H.

- Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền: 2.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo nói: Bị cáo đã nhận thức được hành vi bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều thực hiện đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp nội dung cáo trạng, vật chứng thu giữ được cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra khác đã được thu thập hợp pháp về hành vi phạm tội.

Bị cáo khai nhận: Vào khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến ngày 31/08/2020, thông qua 10 giao dịch dân sự, bị cáo đã thực hiện hành vi cho chị

Hoàng Thị Oanh T, anh Đặng Bá V, chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H vay tổng số tiền mặt là: 182.000.000 đồng, với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 108%/năm và 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 180%/năm, gấp 5,4 lần và 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính của chị O, anh V, chị T và anh H tổng số tiền là: 47.663.331 đồng.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại không lớn cho xã hội nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xã hội nói chung và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng nói riêng. Bị cáo nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, động cơ, mục đích là nhằm thu lợi bất chính tiền của người khác mà không phải lao động chân chính. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Trong quá trình điều tra những người bị thiệt hại do bị cáo gây ra đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã có thiện chí tốt là khắc phục toàn bộ thiệt hại cho những người vay, hiện tại bị cáo đang nuôi 3 con nhỏ, chồng đi làm ăn xa, kinh tế khó khăn nên cần xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự là phù hợp và cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, hơn nữa trong tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên còn khó khăn về kinh tế, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì và đang nuôi 3 con nhỏ. Nên cần xem xét miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Xét bị cáo sử dụng tiền của bị cáo làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Quá trình điều tra và tại phiên toà đã xác định trong số tiền gốc 182.000.000 đồng bị cáo đã cho vay, chỉ có anh Nguyễn Văn H đã trả cho bị cáo số tiền gốc là 26.000.000 đồng. Nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền 26.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền gốc những người liên quan chưa trả cho bị cáo gồm: Chị Hoàng Thị Oanh T 20.000.000 đồng, anh Đặng Bá V 30.000.000 đồng, chị Phạm Thị T 85.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn H 21.000.000 đồng. Cần buộc chị O, anh V, chị T và anh H nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5.2] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu của những người vay gồm: Thu của chị Hoàng Thị Oanh T số tiền là 2.000.000 đồng; Thu của anh Đặng Bá V số tiền là 3.000.000 đồng; Thu của chị Phạm Thị T số tiền là 3.000.000 đồng; Thu của anh Nguyễn Văn H số tiền là 2.566.667 đồng. Tổng cộng bị cáo đã thu số tiền là: 10.566.667 đồng. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm từ hoạt động cho vay lãi nặng mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[5.3] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà bị cáo thu được từ người đi vay tổng cộng là 47.663.331 đồng là tiền thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho chị T, anh V, chị T và anh H. Tại phiên tòa chị O, anh V, chị T và anh H vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 (một) quyển sổ bìa màu tím than, kích thước (10x20) cm, bên trong có ghi nội dung những người vay tiền của Nguyễn Thị H. Đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

- Số tiền thu giữ trong quá trình khám xét nhà bị cáo là 152.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra đã xác định được, trong số tiền thu giữ có số tiền 150.000.000 đồng là tiền của anh Bùi Công L nhờ bị cáo cất giữ, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an huyện A, tỉnh Nghệ An đã trả lại cho anh Bùi Công L là đúng quy định của pháp luật. Còn số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo khai là tiền dùng để cho vay để thu lợi bất chính, tuy nhiên bị cáo chưa sử dụng, chưa thu lợi bất chính từ số tiền này nên cần xem xét trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp số sim 0974547209 thu giữ của bị cáo là công cụ phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 28/01/2021 (Thời gian khấu trừ được quy đổi: 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về việc khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1.Về biện pháp tư pháp:

- Buộc: Bị cáo Nguyễn Thị H nộp tổng số tiền là: 36.566.667 đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Buộc: Chị Hoàng Thị Oanh T phải nộp số tiền: 20.000.000 đồng; Anh Đặng Bá V phải nộp số tiền: 30.000.000 đồng; Chị Phạm Thị T phải nộp số tiền: 85.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn H phải nộp số tiền: 21.000.000 đồng. Để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

3.2.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển sổ bìa màu tím than, kích thước (10x20) cm, bên trong có ghi nội dung những người vay tiền của Nguyễn Thị H.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp số sim 0974547209 thu giữ của Nguyễn Thị H.

- Trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền: 2.000.000 đồng.

Theo biên bản giao nhận tài sản số 10/2021/BBBG-CAHAS ngày 19/4/2021 giữa Công an huyện A, tỉnh Nghệ An và Kho bạc Nhà nước huyện A, tỉnh Nghệ An).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện A*
- *Công an huyện A*
- *Chị cục THADS A;*
- *Bị cáo, người có QLNVLQ;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lệ Hằng